TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 04 -3-2025
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên.**

2. Ông **Nguyễn Văn Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-DS ngày 11/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phùng Thị Đ**, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu vực TT, phường TH, quận TN, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên Đ: Ông **Lương Văn K**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu vực TT, phường TH, quận TN, thành phố C. (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2024) - Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Đỗ Đức H**, sinh năm 1998 - Có mặt

Địa chỉ: Khu vực TT, phường TH, quận TN, thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Bùi Thị P**, sinh năm 1970 - Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực TP1, phường TH, quận TN, thành phố C.

2. Ông **Bùi Hữu N**, sinh năm 1977 – Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực TT, phường TH, quận TN, thành phố C.

3. Bà **Bùi Bích L**, sinh năm 1981 – Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực QT2, phường TK, quận TN, thành phố C.

4. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977 - Xin vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực TT, phường TH, quận TN, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 của nguyên Đ bà Phùng Thị Đ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị Đ và ông Lương Văn K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng nguyên đơn bà Phùng Thị Đ, ông Bùi Hữu K được cấp quyền sử dụng đất thửa số 582, tờ bản đồ số 02, diện tích 494m^2, loại đất ODT+CLN, tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã Thuận Hưng, Hện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực Tân Thạnh, phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ "H"01188 do Ủy ban nhân dân Hện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 05/10/2006. Ngày 08/3/2020, ông Bùi Hữu K chết nên bà Đ thực hiện thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật nhưng khi tiến hành đo đạc xác định mốc ranh thửa đất thì không thống nhất với thửa đất giáp ranh 586 do bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H đứng tên quyền sử dụng đất. Do trong quá trình sử dụng đất các bên không có làm mốc phân ranh đất, nếu xác định mốc ranh theo ông H thì diện tích đất thực tế của thửa 582 không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Về nguồn gốc thửa đất 852, 853, 856 là của ông Bùi Văn U (cha ruột của ông Bùi Hữu K và ông Bùi Văn H1; ông H1 là cha ruột ông H) phân chia cho các con; Đối với thửa 852, 853 phân chia cho các con có diện tích đất bằng nhau. Ngoài ra, vợ chồng bà Đ có tất cả 03 người con gồm bà Bùi Thị P, ông Bùi Hữu N, bà Bùi Bích L; còn cha mẹ ông K đều đã chết.

Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu ông H trả phần diện tích đất tranh chấp là 126m^2. Nay qua kết quả đo đạc nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn và người liên quan ông Nguyễn Văn N trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 108m^2 (tại vị trí A) theo Bản trích đo địa chính số 12/VPĐKĐĐ ngày 10/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ. Đối với cây trồng trên đất tuy nguyên đơn chỉ yêu cầu diện tích đất tranh chấp là 108m^2 nhưng nguyên đơn đồng ý bồi hoàn toàn bộ cây trồng theo biên bản thẩm định, định giá ngày 02/8/2024 và đồng ý số cây trong phần diện tích đất yêu cầu công nhận thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, còn cây trồng còn lại trên diện tích đất vị trí B thì đồng ý để bị đơn được sở hữu.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H trình bày:*

Hiện ông đang đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 586 (giáp ranh thửa 852 của nguyên đơn), tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000090 được Ủy ban nhân dân Hện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 09/5/1997 cho hộ ông Bùi Văn H1 đứng tên chủ sử dụng đã chỉnh lý để thừa kế ½ quyền sử dụng đất và tặng cho ½ quyền sử dụng đất cho ông Bùi Đỗ Đức H ngày 30/3/2017. Trong quá

trình giải quyết vụ án, ông H ý kiến nếu nguyên đơn đồng ý thỏa thuận lại ranh đất thì bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn một phần diện tích đất cho cạnh đất tranh chấp được thẳng nhưng ít hơn diện tích đất nguyên đơn yêu cầu nhưng tại phiên tòa ông H không đồng ý trả lại bất kỳ diện tích đất nào cho nguyên đơn. Đối với việc Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ chỉ thể hiện một phần diện tích thửa đất 586, vì ông H đứng tên 02 thửa đất 586, 583 nhưng trước đến nay không có phân ranh giữa hai thửa. Năm 2022, ông H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại thửa 586 (kể cả phần diện tích đất tranh chấp) cho ông Nguyễn Văn N thì ông cũng nhắm ranh chung chung và xuống trụ đá phần diện tích đất chuyển nhượng với giá 250.000.000 đồng; ông N đã thanh toán được 150.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại sẽ thanh toán khi hoàn thành thủ tục sang tên giấy đất. Mặc dù, ông N chưa thanh toán đủ tiền nhưng ông H đã giao đất cho ông N sử dụng từ năm 2022 cho đến nay.

Ngoài ra, tại phiên tòa ông H xác nhận nguồn gốc thửa đất 852, 853 trước đây là của ông Bùi Văn U và ông U cho cha ông H và ông Bùi Hữu K diện tích đất bằng nhau, về cạnh chiều dài thửa đất khoảng 40m.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày*: Vào năm 2022, ông có thỏa thuận nhận chuyển nhượng hết toàn diện tích đất lúa và đất cây lâu năm (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000090 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 09/5/1997 cho hộ ông Bùi Văn H1 đứng tên chủ sử dụng đã chỉnh lý để thừa kế ½ quyền sử dụng đất và tặng cho ½ quyền sử dụng đất cho ông Bùi Đỗ Đức H ngày 30/3/2017) của bị đơn ông H; các bên không có đo đạc diện tích đất cụ thể là bao nhiêu nhưng có xuống trụ đá trên thực tế đối với phần diện tích đất chuyển nhượng, với giá 250.000.000 đồng, ông đã thanh toán được 150.000.000 đồng; số tiền 100.000.000 đồng còn lại sẽ thanh toán khi hoàn thành thủ tục sang tên giấy đất. Tuy ông chưa thanh toán đủ tiền nhưng ông H đã giao đất cho ông sử dụng đất từ năm 2022 cho đến nay. Đối với việc tranh chấp ranh đất giữa bà Đ và ông H thì ông không có yêu cầu gì, nếu phần đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông H thuộc quyền sử dụng đất của nguyên Đ thì ông sẽ thỏa thuận với ông H về việc cần trừ phần diện tích bị thiếu hụt, trường hợp không thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ngoài ra, ông yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị P, ông Bùi Hữu N, bà Bùi Bích L tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông bà đều vắng mặt, tuy nhiên bà Phùng Thị Đ (mẹ ruột ông bà) nộp đơn xin vắng mặt của các ông bà.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp theo quy định. Hội đồng thẩm định xác định phần đất tranh chấp có diện tích 153,1 m^2 và trên đất tranh chấp có các cây trồng của ông Bùi Đỗ Đức H gồm: 04 cây Dừa loại A; 05 cây Xoài loại C; 06 cây Mãng Cầu loại C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên Đ. Công nhận phần diện tích đất tranh chấp tại vị trí A của Bản trích đo địa chính số 12 nêu trên thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Phùng Thị Đ và những người thừa kế của ông Bùi Hữu K; Buộc bị Đ ông Bùi Đỗ Đức H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N giao trả diện tích đất mà nguyên đơn được công nhận quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu vắng mặt và đây là phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn bà Phùng Thị Đ yêu cầu bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H và người liên quan ông Nguyễn Văn N giao trả cho nguyên đơn phần đất qua đo đạc có diện tích 108m^2, đất tọa lạc khu vực Tân Thạnh, phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Vợ chồng bà Phùng Thị Đ, ông Bùi Hữu K (chết ngày 08/3/2020) được cấp quyền sử dụng đất thửa số 582, diện tích 494m^2, loại đất ODT+CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ "H"01188 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 05/10/2006. Ông Bùi Đỗ Đức H được cấp quyền sử dụng đất thửa 586, diện tích 2.145m^2, loại đất 2L, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000090 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 09/5/1997 cho hộ ông Bùi Văn H đứng tên chủ sử dụng đã chỉnh lý để thừa kế ½ quyền sử dụng đất và tặng cho ½ quyền sử dụng đất cho ông Bùi Đỗ Đức H ngày 30/3/2017. Các thửa đất đều cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu vực Tân Thạnh, phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

[3.2] Qua kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 12/VPĐKĐĐ ngày 10/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ cho thấy thửa đất 582 phía nguyên đơn sử dụng có diện tích 386m^2 (tính luôn diện tích đường giao thông và đất cặp rạch) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu 108m^2 và nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả diện tích 108m^2 (tại vị trí A) trong tổng diện tích tranh chấp 153,1m^2; còn diện tích sử dụng thửa đất 856

(một phần thửa) của bị đơn là 1.353,7m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu 791,3m^2.

[3.3] Thấy rằng, thửa 582 của nguyên đơn giáp ranh với hai thửa đất 586 và 583 của bị đơn; Còn thửa 582, 583 có cùng diện tích và cùng giáp thửa 586. Tuy nhiên thửa 582, 583 không có phát sinh tranh chấp, vì vậy cho thấy phần tranh chấp phát sinh từ cạnh chiều dài của thửa 582. Theo bản trích đo địa chính số 12 nêu trên thì hai cạnh chiều dài thửa 582 (phần đang sử dụng và phần yêu cầu tranh chấp) lần lượt có kích thước là 42,08m và 41,71m. Tại bản án số 414/2024/DS-PT ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H đối với thửa đất 585, 586 thì theo bản án quyết định thửa đất 585 được công nhận hai cạnh chiều dài lần lượt là 38,07 và 39,67. Chiếu theo sơ đồ các thửa đất thấy rằng các thửa 582, 583, 854, 585 đều giáp thửa 586 và có các cạnh chiều dài là tương đối với nhau. Vì vậy nếu hai cạnh chiều dài thửa đất 582 trừ đi 4m đường giao thông thì các cạnh có chiều dài lần lượt là 38,05m và 37,71m. Vì vậy, nếu xét tổng thể diện tích, hình thể và cạnh chiều ngang giáp thửa 583 không phát sinh tranh chấp thì phần diện tích đất tranh chấp 108m^2 tại vị trí A thuộc thửa đất 582 của nguyên đơn là phù hợp.

[3.4] Mặc khác, phần diện tích đất tại thửa 586 chỉ thể hiện một phần thửa và bị đơn xác định diện tích thửa 586 qua các lần đo đạc chênh lệch khá lớn, cũng như việc ông H cho rằng do ông đứng tên 02 thửa đất 586, 583 nhưng trước đến nay không có phân ranh giữa hai thửa, đến khi thỏa thuận cHển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn N thì bị đơn cũng nhắm ranh chung chung và xuống trụ đá phần diện tích đất bán cho ông N; Và trong quá trình giải quyết vụ án ông cũng ý kiến rằng trường hợp nguyên đơn đồng ý thỏa thuận lại ranh đất thì bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn một phần diện tích đất cho cạnh đất tranh chấp được thẳng nhưng ít hơn diện tích đất nguyên đơn yêu cầu. Còn về phần ông N thừa nhận có nhận chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp của bị đơn và đang sử dụng thửa đất 586 nhưng ông không có yêu cầu gì trong vụ án nếu có phần diện tích đất ông đã nhận chuyển nhượng thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn thì ông sẽ thỏa thuận với ông H về việc cấn trừ diện tích đất bị thiếu hụt, trường hợp không thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 108m^2 (vị trí A) thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 12 nêu trên là phù hợp.

[3.6] Đối với cây trồng trên tổng diện tích đất tranh chấp 153,1m^2, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu công nhận diện tích đất tranh chấp là 108m^2 nhưng đồng ý bồi hoàn toàn bộ cây trồng theo biên bản định giá ngày 02/8/2024 với số tiền 8.517.000 đồng và đồng ý số cây trồng trong phần diện tích đất yêu cầu công nhận thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, còn cây trồng còn lại trên diện tích đất tại vị trí B của Bản trích đo số 12 thì đồng ý để bị đơn được sở hữu. Xét thấy đây là sự tự nguyện của

nguyên đơn và để bảo đảm cho việc thi hành án thuận tiện đối với phần diện tích đất nguyên đơn được quyền sử dụng nên công nhận.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí là 7.100.000 đồng và nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 235, 236 Luật Đất đai năm 2024;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định phần đất tranh chấp có diện tích 108m^2 (tại vị trí A), thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Phùng Thị Đ và những người thừa kế của ông Bùi Hữu K (bà Phùng Thị Đ, bà Bùi Thị P, ông Bùi Hữu N, bà Bùi Bích L); Buộc bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N giao trả diện tích đất mà nguyên đơn được công nhận quyền sử dụng. Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 12/VPĐKĐĐ ngày 10/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ (Đính kèm).

Bà Phùng Thị Đ có trách nhiệm bồi hoàn cây trồng trên đất cho ông Bùi Đỗ Đức H với số tiền 8.517.000đ (Tám triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng) và bà Đ được quyền sở hữu các cây trồng trên diện tích đất được công nhận quyền sử dụng.

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại hình thể và diện tích đất cho phù hợp với thực tế được sử dụng.

- <u>Về chi phí thẩm định, định giá tài sản</u>: Bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H phải chịu 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng); Công nhận nguyên đơn bà Phùng Thị Đ đã tạm ứng số tiền 7.100.000 đồng nên bị đơn ông Bùi Đỗ Đức H có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn bà Phùng Thị Đ số tiền 7.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đỗ Đức H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thúy Kiên **Nguyễn Văn Đông** **Hoàng Thị Kim Hưng**